

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**  
**Bài : TÌM MỘT THỪA SỐ CỦA PHÉP NHÂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Giúp học sinh:

- Nhớ và nhận biết được thừa số, tích trong phép nhân.
- Biết cách tìm một thừa số khi biết tích và thừa số kia.
- Biết cách giải và trình bày bài toán có một phép tính.

**2. Về kỹ năng**

Giúp học sinh:

- Rèn luyện kỹ năng tính đúng, tính nhanh.
- Rèn kỹ năng giải toán, trình bày bài toán.

**3. Về thái độ**

Giúp học sinh:

- Có ý thức tập trung vào bài học cao.
- Tích cực tìm hiểu bài học.
- Tự tin khi giải toán và trình bày bài toán.

**II. PHƯƠNG TIỆN, ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Giáo viên cần chuẩn bị:

- Các tấm bìa, mỗi tấm bìa có hai chấm tròn.
- Bảng phụ để tổ chức trò chơi cho học sinh.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU**

Thời gian	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1 phút	<p><b><i>Ôn định lớp</i></b> Giáo viên mời lớp phó văn thể mỹ bắt cho cả lớp cùng hát một bài</p> <p><b><u>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ</u></b> -Gọi HS đọc bảng chia 2 và bảng chia 3 -Gọi 3 hs làm 3 phép tính: +18cm : 2 = +15cm : 3 = +21l : 3 = -Giáo viên yêu cầu một học sinh nhận xét bài của bạn -Nhận xét, tuyên dương.</p> <p><b><u>Hoạt động 2: Dạy bài mới</u></b> <i>1. Ôn tập mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia</i> Gv gắn 3 tấm bìa mỗi tấm bìa có 2 chấm tròn. Yêu cầu hs quan sát và trả lời câu hỏi: -Yêu cầu Hs quan sát và cho biết có</p>	<p>-Cả lớp hát</p> <p>- 2-3 HS lên đọc bảng chia 2, bảng chia 3. -3 hs lên bảng làm bài tập</p> <p>- Nhận xét bài của bạn.</p> <p>-Có 3 tấm</p>

<p>mấy tấm bìa?          -Mỗi tấm bìa có mấy chấm tròn?          -Vậy cả 3 tấm bìa thì có mấy chấm tròn?          -Muốn tìm được số chấm tròn ta làm phép tính gì? ( Nếu hs vẫn chưa trả lời được Gv gợi ý thêm: Lấy mấy nhân mấy? )          -Giáo viên ghi bảng: <math>2 \times 3 = 6</math>          -Yêu cầu hs nêu tên các thành phần trong phép tính nhân.          -Gv chốt chỉ lại cho hs các thành phần trong phép tính nhân:</p> $\begin{array}{ccccccc} 2 & & \times & 3 & = & 6 & \\ \uparrow & & & \uparrow & & \uparrow & \\ \text{Thừa số} & & & \text{Thừa số} & & \text{Tích} & \end{array}$ <p>-Yêu cầu học sinh từ phép nhân <math>2 \times 3 = 6</math>. Hãy lập 2 phép chia tương ứng</p> <p>-Giáo viên ghi phép chia lên bảng hỏi: Vì sao ta lập được 2 phép chia đó?          -Hỏi : Vậy muốn tìm một thừa số ta làm thế nào?          GV kết luận: Từ hai phép tính trên ta thấy để có thừa số này ta lấy tích chia cho thừa số kia          -Giáo viên mời một số em học sinh nhắc lại</p> <p><i>2.Giới thiệu cách tìm thừa số x chưa biết</i></p> <p>- Chúng ta vừa học xong cách tìm một thừa số khi biết tích và thừa số kia, bây giờ cô và các em sẽ cùng tìm hiểu cách tìm thừa số x chưa biết.</p> <p>- Giáo viên ghi bảng:          Cho phép nhân: <math>x \times 2 = 8</math>. Yêu cầu hs nêu các thành phần trong phép tính.</p> <p>-Giáo viên giải thích: Trong phép nhân này số x là thừa số chưa biết nhân với 2 bằng 8. Tìm x.          -Giáo viên yêu cầu học sinh từ phép tính nhân: <math>x \times 2 = 8</math> ta lập được phép</p>	<p>-Có 2 chấm tròn          -Có 6 chấm tròn.          -Ta thực hiện phép nhân:  <math>2 \times 3 = 6</math> ( chấm tròn)</p> <p>-Nêu tên các thành phần trong phép tính nhân.          -Học sinh chú ý lắng nghe</p> <p>Hs lập 2 phép chia tương ứng:  <math>+ 6 : 3 = 2</math>  <math>+ 6 : 2 = 3</math></p> <p>-.Lấy tích chia cho thừa số này thì được thừa số kia          -Ta lấy tích chia cho thừa số kia</p> <p>-Nhắc lại.</p> <p>-Lắng nghe</p> <p>-HS nêu các thành phần trong phép tính:  <math>x, 2</math>: thừa số  <math>8</math>: tích          - Hs lắng nghe</p> <p>-HS trả lời:  <math>+ x = 8 : 2</math></p>
---	---

<p>tính chia nào?</p> <p>-Yêu cầu 1 hs nhận xét bài làm của bạn</p> <p>-Gv nhận xét và nêu <math>x = 4</math> là thừa số phải tìm.</p> <p>Vậy <math>x \times 2 = 8</math></p> $x = 8 : 2$ $x = 4$ <p>- Giáo viên kết luận: Vậy <math>x = 4</math> là số phải tìm để được <math>4 \times 2 = 8</math></p> <p>- Gv viết: <math>3 \times x = 15</math>.</p> <p>Yêu cầu hs quan sát phép tính với phép tính trên và cho biết :</p> <p>+ x trong bài tập được gọi là gì?</p> <p>+Thừa số x trong phép nhân thứ 2 khác gì so với thừa số x trong phép nhân trước?</p> <p>- Hỏi: Muốn tìm một thừa số ta làm thế nào?</p> <p>- Yêu cầu học sinh nêu cách tính.</p> <p>- Nhận xét kết quả và cách trình bày của học sinh</p> <p>Kết luận: Muốn tìm một thừa số ta làm thế nào?</p> <p>-Gv viết kết luận lên bảng.</p> <p>- Yêu cầu học sinh nhắc lại</p>	<p><math>x = 4</math></p> <p>-1 học sinh nhận xét</p> <p>-Cả lớp chú ý lắng nghe</p> <p>-Quan sát phép tính và trả lời:</p> <p>+ x là thừa số</p> <p>+ trong phép tính 1: x là thừa số đứng trước, còn trong phép tính thứ 2: x là thừa số đứng sau.</p> <p>-Ta lấy : <math>15 : 3</math></p> <p>-Nêu cách tính:</p> $3 \times x = 15$ $x = 15 : 3$ $x = 5$ <p>-Nhận xét.</p> <p>-Hs trả lời: Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.</p> <p>-Hs chú ý</p> <p>- Học sinh nhắc lại</p>
<p><b>Hoạt động 3: Thực hành</b></p> <p>Bài 1: - Mời 2 em học sinh đọc yêu cầu của bài</p> <p>-Gv viết đầu bài và cột 1 lên bảng.</p> <p>Hướng dẫn học sinh cách tính:</p> <p>+1 hs tính phép nhân: <math>2 \times 4 =</math></p> <p>Sau đó yêu cầu hs không cần tính và nêu luôn kết quả của 2 phép tính còn lại.</p> <p>-Hỏi: Vì sao có thể tìm được kết quả luôn mà không cần tính.</p> <p>-Gv viết 2 cột còn lại lên bảng. Yêu cầu 2 HS lên bảng làm 2 phép tính còn lại. HS cả lớp làm vào vở bài tập.</p>	<p>-2 em học sinh đọc</p> <p>-HS trả lời:</p> $2 \times 4 = 8$ $8 : 2 = 4$ $8 : 4 = 2$ <p>-Vì lấy tích chia cho thừa số này được thừa số kia</p> <p>-2 hs lên bảng làm 2 phép tính còn lại.</p>

<p>- Yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - Gv nhận xét, tuyên dương.  Bài 2:  - GV viết bảng: <math>x \times 2 = 10</math>.  - Hỏi: Trong biểu thức trên x được gọi là gì? 2 được gọi là gì? 10 được gọi là gì?  - Tìm x tức là ta tìm gì?  - Muốn tìm một thừa số ta làm thế nào?  - Gọi 1 hs trả lời miệng, Gv viết kết quả phép tính lên bảng</p> <p>- Gọi 1 HS nhận xét bài làm của bạn.  - Gv nhận xét, chốt đáp án đúng.  - gọi 2 hs lên bảng làm 2 phép tính còn lại, HS cả lớp làm vào vở ghi.  - Gọi HS nhận xét bài làm trên bảng  - Gv nhận xét, tuyên dương.  Bài 4: -Gọi 1 HS lên đọc đầu bài.  - Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?</p> <p>- Đơn vị phải tìm là gì?  - Khi tóm tắt ta viết ở sau hay ở trước?  - Gọi Hs nêu cách tóm tắt.  - Yêu cầu hs nhận xét cách tóm tắt của bạn.  - Gv viết bảng.  - Gọi 1 hs lên giải bài trên bảng, hs cả lớp làm bài vào vở ghi.  - Yêu cầu học sinh nhận xét bài giải của bạn  - Gv nhận xét, tuyên dương</p>	<p>-HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.</p> <p>-Hs trả lời: x là thừa số chưa biết.  2 là thừa số đã biết  10 là tích  - Tìm thừa số  - Lấy tích chia cho thừa số đã biết  - Một học sinh trả lời:  <math display="block">x \times 2 = 10</math> <math display="block">x = 10 : 2</math> <math display="block">x = 5</math></p> <p>- Nhận xét bài làm của bạn.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm, hs cả lớp làm vào vở viết  - HS nhận xét</p> <p>- HS đọc đầu bài  - Cho biết số có 20 hs, mỗi bàn có 2 hs. Hỏi số bàn học  - Là số bàn  - Viết ở sau  - HS nêu cách tóm tắt  - Nhận xét cách tóm tắt của bạn</p> <p>- 1 hs lên bảng, hs cả lớp làm vào vở ghi  - Hs nhận xét bài giảng</p>
--	--

## TỔ CHỨC TRÒ CHƠI

Tên trò chơi : Tính nhanh ghép đúng

### 1. Luật chơi

Chia lớp làm 2 nhóm. Mỗi nhóm cử 3 đại diện lên tham gia trò chơi. Giáo viên sẽ dán hai bảng phụ lên bảng cho 2 đội. Bảng phụ có các bài toán dạng tìm x đã học. Mỗi đội sẽ được phát các tờ giấy ghi kết quả của các bài toán đó( từ 1 đến 6). Nhiệm vụ của mỗi đội là phải tìm ra kết quả phù hợp để gắn lên từng bài toán trên bảng phụ. Đội nào nhanh hơn và có nhiều bài đúng sẽ là đội thắng cuộc

### 2. Tổ chức chơi

3. Nhận xét, khen thưởng đội thắng cuộc  
Bảng phụ

3	x	.....	= 9
.....	x	2	= 8
.....	x	2	= 12
2	x	.....	= 4

**\*CÙNG CỎ \_ DẶN DÒ**

-Hôm nay chúng ta học bài gì?

-Gọi 2 HS nhắc lại kết luận trong sách giáo khoa.

- Yêu cầu hs về nhà làm thêm bài tập và chuẩn bị trước bài luyện tập, học thuộc phần in đậm trong sách giáo khoa

**NHẬN XÉT:**

.....  
.....  
.....

Giáo viên hướng dẫn.  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sinh viên  
(Ký và ghi rõ họ tên)